TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 910/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 29/11/2019
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Phụng

2. Bà Nguyễn Minh Trí

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Phạm Quỳnh Mai Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 526/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm: 1963 (có đơn xin vắng mặt)
Thường trú: 573 đường N, phường C, quận P
Tạm trú: 107 đường T, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1961 (vắng mặt tại phiên tòa)
Thường trú: : 573 đường N, phường C, quận P
Tạm trú: 107 đường T, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy công nhận kết hôn số 110 quyển số 04 ngày 18/4/1986.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình chồng một thời gian rồi ra ở riêng và có hạnh phúc. Khoảng 03 năm nay vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và tranh cãi do ông P đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác khoảng 6,7 năm nên vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cả hai đã không thể hòa hợp, hiểu nhau, không có tiếng nói chung, ông P thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, một mình bà vừa chăm lo cho các con vừa phải quán xuyến mọi việc trong nhà và nuôi con đến khi các con trưởng thành.

Trước khi gửi đơn ly hôn, bà đã cho ông P nhiều cơ hội, đã ngồi lại nói chuyện với chồng và cố gắng tìm mọi cách hòa giải với mong muốn ổn định cuộc sống gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng sâu sắc hơn, ông P vẫn bỏ nhà đi, không thay đổi cách sống làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã ly thân nhau. Nay bà xin được ly hôn với ông P vì bà không còn tình cảm với ông P.

Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày: 01/8/1986 và Nguyễn Đỗ Thúy V, sinh ngày: 06/5/1996.

Về tài sản chung: bà T tự khai bà và ông P không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Đình P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Đỗ Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Đình P theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: ông Nguyễn Đình P có nơi cư trú tại 107 đường T, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toà án nhân dân quận Phú Nhuận đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, hòa giải-tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử theo quy định của pháp luật đối với ông P, nhưng ông P đều không có mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ngọc T.

[2.1] Căn cứ giấy công nhận kết hôn số 110 quyển số 04 ngày 18/4/1986 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đình P là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau, để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Với tư cách là người chồng cũng là người cha nhưng ông P đã không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác trong nhiều năm, bỏ mặc vợ con, bà T cũng đã tạo cơ hội cho ông P sửa đổi và quay về nhưng ông P vẫn không thay đổi cách sống. Tại phiên tòa, ông P vẫn không có mặt, qua đó xác định ông P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Mặt khác, bà T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống là chính đáng, có cơ sở nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông P vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông P phải chịu hậu quả đối với hành vi của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử theo trình tự sơ thẩm cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đỗ Thị Ngọc T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc T

1.1/ Về quan hệ vợ chồng: bà Đỗ Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Đình P.

1.2/ Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Trung H, sinh ngày: 01/8/1986 và Nguyễn Đỗ Thúy V, sinh ngày: 06/5/1996. Cả 02 đã trưởng thành.

1.3/ Về tài sản chung: bà T tự khai bà và ông P không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đồng(Ba trăm ngàn đồng). Bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0042024 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, nay được cấn trừ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bà Đỗ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đình P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thụy Bích Ngọc